

Số: /BC-UBND

Ba Tơ, ngày

tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO

Tổng kết thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 và đề xuất giai đoạn 2026 – 2030

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Công văn số 1202/SNNMT-PQT ngày 09/4/2025 về việc đôn đốc gửi báo cáo tổng kết thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 (lần 2), Ủy ban nhân dân huyện Ba Tơ báo cáo Tổng kết thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 và đề xuất giai đoạn 2026 – 2030 như sau:

Phần thứ nhất: TỔNG KẾT THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

I. Công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức triển khai thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm

1. Công tác ban hành văn bản triển khai thực hiện

Căn cứ các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của Trung ương và của UBND tỉnh, UBND huyện Ba Tơ chủ động ban hành 14 quyết định, 4 kế hoạch, 01 tờ trình và 06 công văn để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả và kịp thời trong thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững¹. Trong thời gian qua, huyện luôn xác

¹ Quyết định số 768/QĐ-UBND ngày 22/4/2022 của Chủ tịch UBND huyện về việc thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 01/QĐ-BCĐ ngày 27/7/2022 Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia huyện về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia huyện Ba Tơ giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 540/QĐ-UBND ngày 15/8/2022 của UBND huyện về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 của UBND huyện về việc bổ sung, sửa đổi một số nội dung Quyết định số 540/QĐ-UBND ngày 15/8/2022 của UBND huyện về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Ba Tơ giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 541/QĐ-UBND ngày 15/8/2022 của UBND huyện về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022 (nguồn vốn: Ngân sách Trung ương); Quyết định số 796/QĐ-UBND ngày 19/10/2022 của UBND huyện về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022 (Ngân sách tỉnh); Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 28/4/2023 của UBND huyện về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 (ngân sách Trung ương và vốn đối ứng ngân sách tỉnh); Quyết định số 363/QĐ-UBND ngày 15/11/2023 của Chủ tịch UBND huyện về việc phân bổ vốn đối ứng sự nghiệp ngân sách huyện thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Quyết định số 479/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND huyện về việc bổ sung kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023; Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 19/3/2024 của Chủ tịch UBND huyện về việc chuyển nguồn kinh phí sự nghiệp các Chương trình mục tiêu quốc gia thuộc ngân sách cấp huyện năm 2023 sang năm 2024; Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 25/3/2024 của UBND huyện về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024; Quyết định số 1590/QĐ-UBND ngày 30/5/2024 của Chủ tịch UBND huyện về việc phân bổ vốn đối ứng sự nghiệp ngân sách huyện thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024; Quyết định số 1733/QĐ-UBND ngày 19/6/2024 của Chủ tịch UBND huyện về việc điều chỉnh kinh phí chuyển nguồn

định công tác giảm nghèo bền vững là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt, được khẳng định trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 2020 – 2025.

UBND huyện đã tổ chức nhiều cuộc họp trực báo để nghe báo cáo và chỉ đạo việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, ban hành các thông báo kết luận để lãnh đạo chỉ đạo², đồng thời thực hiện đầy đủ các báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện hàng tháng, quý và năm.

2. Công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương

- Hàng năm, căn cứ trên các văn bản như: Quyết định, Kế hoạch, Công văn... của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện, phân bổ kinh phí, công tác chỉ đạo, lãnh đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan chức năng có liên quan tham mưu ban hành kịp thời các văn bản để chỉ đạo và triển khai thực hiện như: phê duyệt Kế hoạch thực hiện; phân bổ kinh phí thực hiện; kế hoạch giám sát, đánh giá Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững từng năm trên địa bàn huyện. Các phòng, ban huyện và UBND các xã được phân bổ vốn thường xuyên phối hợp chặt chẽ, tổ chức, triển khai thực hiện tốt trên nguồn kinh phí được UBND huyện phê duyệt. Công tác điều phối, phối hợp trong quản lý, tổ chức thực hiện giữa các phòng ban, đơn vị, địa phương trong huyện luôn chủ động và chặt chẽ, sát với chức năng, nhiệm vụ được giao, nhất là khâu tổ chức, triển khai thực hiện trên nguồn kinh phí được giao; các hoạt động truyền thông, thông tin và theo dõi, giám sát, đánh giá chương trình luôn được quan tâm và xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện cụ thể.

- Công tác điều phối, phối hợp trong quản lý, tổ chức thực hiện giữa các phòng ban, đơn vị, địa phương trong huyện luôn chủ động và chặt chẽ, sát với chức năng, nhiệm vụ được giao, nhất là khâu tổ chức, triển khai thực hiện trên nguồn kinh phí

vốn sự nghiệp thực hiện Tiểu Dự án 3 – Dự án 4 và Tiểu Dự án 2 – Dự án 7 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 sang năm 2024; Quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 14/11/2024 của UBND huyện về việc điều chỉnh vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022, 2023 và năm 2024; nguồn vốn ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh và ngân sách huyện;

Kế hoạch số 151/KH-UBND ngày 12/9/2022 về việc giám sát, đánh giá Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Ba Tư giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch 149/KH-UBND ngày 09/9/2022 thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện năm 2022; Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 28/2/2023 về thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện năm 2023; Kế hoạch số 54/KH-UBND ngày 19/3/2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện năm 2024;

Tờ trình số 59/TTr-UBND ngày 18/5/2023 về việc đề nghị điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023;

Công văn số 752/UBND ngày 16/4/2024 về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn sự nghiệp 03 Chương trình MTQG năm 2024 trên địa bàn huyện; Công văn số 885/UBND ngày 03/5/2024 về việc khẩn trương thực hiện nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia; Công văn số 1152/UBND ngày 30/5/2024 về việc đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024; Công văn số 1298/UBND ngày 14/6/2024 về việc khẩn trương triển khai thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; Công văn số 1959/UBND ngày 26/8/2024 về việc đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn huyện. Công văn 2441/UBND ngày 11/10/2024 về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024.

² gồm: Cuộc họp ngày 26/3/2024, 14/5/2024, 30/5/2024 (Thông báo kết luận 177/TB-UBND ngày 07/6/2024), 19/7/2024 (Thông báo kết luận 254/TB-UBND ngày 29/7/2024), 30/8/2024 (Thông báo kết luận 295/TB-UBND ngày 12/9/2024), 18/9/2024, 03/10/2024 (Thông báo kết luận 326/TB-UBND ngày 10/10/2024), 16/10/2024, 21/11/2024 (Thông báo kết luận 388/TB-UBND ngày 25/11/2024).

được giao; các hoạt động truyền thông, thông tin và theo dõi, giám sát, đánh giá chương trình luôn được quan tâm và xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện cụ thể.

- Ban hành văn bản giao nhiệm vụ thực hiện: UBND huyện đã ban hành các Quyết định thành lập Tổ thẩm định, phê duyệt các dự án, hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện giai đoạn 2021 - 2025, trong đó có Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững³;

3. Tình hình thực hiện chế độ báo cáo

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao của từng cơ quan, đơn vị tham mưu, định kỳ hàng tháng, 6 tháng, năm và đột xuất, UBND huyện có văn bản chỉ đạo các phòng, ban, cơ quan có liên quan và UBND các xã, thị trấn báo cáo kết quả thực hiện kịp thời, đầy đủ các nội dung, thời gian theo quy định, trên cơ sở đó huyện thực hiện tổng hợp báo cáo kết quả định kỳ hoặc đột xuất đảm bảo kịp thời, đầy đủ các nội dung, thời gian theo quy định.

Tuy nhiên vẫn còn một số cơ quan, đơn vị, địa phương, đặc biệt là các xã, thị trấn thực hiện chưa kịp thời, đầy đủ các nội dung, thời gian theo quy định, gây khó khăn cho công tác tổng hợp báo cáo.

II. Tình hình và kết quả thực hiện chương trình

*** Tổng kinh phí thực hiện chương trình năm 2022 - 2024:**

- Tổng nguồn vốn: 22.557 triệu đồng (*Trong đó: Năm 2022: 3.293 triệu đồng; Năm 2023: 8.527 triệu đồng; năm 2024: 10.737 triệu đồng*).

- Kết quả giải ngân: 8.748 triệu đồng (*Trong đó: Năm 2022: 1.819 triệu đồng; Năm 2023: 3.452 triệu đồng; năm 2024: 3.477 triệu đồng*).

- Tỷ lệ giải ngân: 38,78% (*Trong đó: Năm 2022: 55,23%; năm 2023: 40,48%; Năm 2024: 32,38%*).

1. Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn (ĐBKK) vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo: Không có (huyện Ba Tư không thuộc diện hỗ trợ).

2. Dự án 2. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

a) Về kết quả giải ngân

- Tổng nguồn vốn: 8.722 triệu đồng (*Trong đó: Năm 2022: 1.173 triệu đồng; năm 2023: 3.453 triệu đồng; năm 2024: 4.096 triệu đồng*).

- Kết quả giải ngân: 2.959 triệu đồng (*Trong đó: Năm 2022: 1.068 triệu đồng; năm 2023: 949 triệu đồng; năm 2024: 943 triệu đồng*).

- Tỷ lệ giải ngân: 33,92% (*Trong đó: Năm 2022: 91,01%; năm 2023: 27,47%;*

³ Quyết định số 974/QĐ-UBND ngày 27/4/2023 thành lập Tổ thẩm định, phê duyệt các dự án, hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện giai đoạn 2021 – 2025. Quyết định số 2414/QĐ-UBND ngày 11/10/2023, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 974/QĐ-UBND ngày 27/4/2023; Quyết định số 1560/QĐ-UBND ngày 27/5/2024, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2414/QĐ-UBND ngày 11/10/2023. Quyết định số 2106/QĐ-UBND ngày 26/7/2024, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1560/QĐ-UBND ngày 27/5/2024.

năm 2024: 23,02%).

b) Về nội dung thực hiện

- Có 22 dự án hỗ trợ phát triển sản xuất được giao cho Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện và UBND các xã, thị trấn để thực hiện hỗ trợ con giống cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Có 18 dự án hỗ trợ phát triển sản xuất đã được phê duyệt.

- Có 07 dự án đã được thực hiện, cấp con giống cho người dân: 86 hộ (64 hộ nghèo, 22 hộ cận nghèo). Cụ thể như sau⁴:

3. Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

3.1. Tiểu dự án 1. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

a) Về kết quả giải ngân

- Tổng nguồn vốn: 5.498 triệu đồng (Trong đó: Năm 2022: 586 triệu đồng; năm 2023: 2.585 triệu đồng; năm 2024: 2.327 triệu đồng).

- Kết quả giải ngân: 3.090 triệu đồng (Trong đó: Năm 2022: 506 triệu đồng; năm 2023: 1.369 triệu đồng; năm 2024: 1.216 triệu đồng).

- Tỷ lệ giải ngân: 56,20% (Trong đó: Năm 2022: 86,27%; năm 2023: 52,95%; năm 2024: 52,25%).

b) Về nội dung thực hiện

- Có 13 dự án hỗ trợ phát triển sản xuất được giao cho Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện và UBND các xã, thị trấn để thực hiện hỗ trợ con giống cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Có 09 dự án hỗ trợ phát triển sản xuất đã được phê duyệt.

- Có 09 dự án đã được thực hiện, cấp con giống cho người dân: 122 hộ (90 hộ nghèo, 30 hộ cận nghèo, 02 hộ mới thoát nghèo). Cụ thể như sau⁵:

⁴+ Dự án Nuôi heo ky sinh sản xã Ba Liên: Cấp 50 con heo ky cho 10 hộ (09 hộ nghèo, 01 hộ cận nghèo). Đến nay bị chết 23 con. Nguyên nhân chết: Dịch tả lợn Châu Phi, Phó thương hàn, tụ huyết trùng, tiêu chảy, lạ chuồng cắn nhau.

+ Dự án Nuôi trâu cái nội sinh sản xã Ba Điền: Cấp 12 con trâu cái nội cho 12 hộ nghèo. Tỷ lệ trâu sống 100%.

+ Dự án Nuôi heo cò (kiềng sắt) sinh sản xã Ba Vi: Cấp 50 con heo heo cò (kiềng sắt) cho 15 hộ (14 hộ nghèo, 1 hộ cận nghèo). Tổng số heo chết: 28 con. Nguyên nhân chết: Dịch tả lợn Châu Phi, Phó thương hàn, tụ huyết trùng, do bị bệnh sốt sữa, viêm tử cung sau sinh.

+ Dự án Nuôi bò lai sinh sản xã Ba Tiêu: Cấp 12 con bò cái lai Zebu cho 12 hộ (04 hộ nghèo, 08 hộ cận nghèo). Tỷ lệ bò sống 100%.

+ Dự án Nuôi trâu cái nội sinh sản xã Ba Bích: Cấp 12 con trâu cái nội cho 12 hộ (10 hộ nghèo, 02 hộ cận nghèo). Tỷ lệ trâu sống 100%.

+ Dự án Nuôi trâu cái nội sinh sản xã Ba Khâm: Cấp 12 con trâu cái nội cho 12 hộ (08 hộ nghèo, 04 hộ cận nghèo). Tỷ lệ trâu sống 100%.

+ Dự án nuôi bò sinh sản xã Ba Điền: Cấp 13 con bò giống cho 13 hộ (07 hộ nghèo, 06 hộ cận nghèo). Tỷ lệ bò sống 100%. Đã có 03 con đẻ.

⁵+ Dự án nuôi trâu cái nội sinh sản xã Ba Vinh: Cấp 07 con trâu cái nội cho 07 hộ nghèo. Tỷ lệ trâu sống 100%.

+ Dự án nuôi heo cò (Kiềng sắt) sinh sản xã Ba Tô: Cấp 40 con heo cò (Kiềng sắt) cho 10 hộ nghèo. Tổng số con heo cò (kiềng sắt) chết 08 con chưa thích nghi với môi trường và tập quán chăn nuôi mới, một số con bị tiêu chảy, ăn yếu, nôn mửa, ho... một số con không thích nghi và chết.

3.2. Tiểu dự án 2. Cải thiện dinh dưỡng

a) Về kết quả giải ngân

- Tổng nguồn vốn: 805 triệu đồng (Trong đó: Năm 2022: 0 triệu đồng; năm 2023: 338 triệu đồng; năm 2024: 467 triệu đồng).
- Kết quả giải ngân: 734 triệu đồng (Trong đó: Năm 2022: 0 triệu đồng; năm 2023: 267 triệu đồng; năm 2024: 467 triệu đồng).
- Tỷ lệ giải ngân: 91,23% (Trong đó: Năm 2022: 0%; năm 2023: 79,11%; năm 2024: 100%).

b) Về nội dung thực hiện

- Thực hiện thông tin tuyên truyền và mua thiết bị cân đo.
- Thực hiện các nội dung sau 4 nội dung như sau⁶:
 - + Dự án nuôi heo Móng cái sinh sản thị trấn Ba Tơ: Cấp 36 con heo móng cái cho 12 hộ (03 hộ nghèo, 09 hộ cận nghèo). Heo chết 03 con do chưa thích nghi với môi trường và tập quán chăn nuôi mới.
 - + Dự án nuôi heo Móng cái sinh sản xã Ba Xa: Cấp 38 con heo móng cái cho 19 hộ nghèo. Tổng số heo chết là 10 con/05 hộ, heo chết do dịch tả lợn Châu Phi.
 - + Dự án nuôi heo Móng cái sinh sản xã Ba Lẽ: Cấp 34 con heo Móng cái cho 17 hộ (14 hộ nghèo, 03 hộ cận nghèo). Tỷ lệ heo sống đạt 100%.
 - + Dự án nuôi vịt xiêm thương phẩm xã Ba Cung: Cấp 2.000 con Vịt xiêm cho 20 hộ (17 hộ nghèo, 03 hộ cận nghèo). Tỷ lệ sống đạt 98%, vịt sinh trưởng tốt.
 - + Dự án nuôi bò lai sinh sản xã Ba Động: Cấp 12 con bò cái lai cho 12 hộ (01 hộ nghèo, 11 hộ cận nghèo).
 - + Dự án nuôi heo cái nội sinh sản xã Ba Tô: Cấp 30 con heo Móng cái cho 10 hộ (05 hộ nghèo, 01 hộ thoát nghèo, 04 hộ cận nghèo). Hiện tại 30 con heo cái vẫn đang sinh trưởng tốt.
 - + Dự án nuôi heo cái nội sinh sản xã Ba Trang: Cấp 45 con heo Móng cái cho 15 hộ (14 hộ nghèo, 01 hộ mới thoát nghèo). Hiện tại 45 con heo cái vẫn đang sinh trưởng tốt.

⁶ 1. Nội dung 1: Hoạt động can thiệp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai và cho con bú, trẻ em từ 0 đến dưới 16 tuổi

1.1 Hoạt động theo dõi, khảo sát, đánh giá định kỳ, phân loại tình trạng dinh dưỡng, vi chất dinh dưỡng, khẩu phần, chế độ ăn, thói quen tiêu thụ thực phẩm của trẻ em dưới 16 tuổi, phụ nữ mang thai và cho con bú

- Triển khai tại điểm/19 xã, thị trấn;

1.2 Tổ chức các buổi trình diễn thức ăn cho trẻ em dựa trên các sản phẩm, thực phẩm sẵn có tại địa phương
Triển khai tại 19 xã, thị trấn;

- Đối tượng tham gia thực hiện bữa ăn mẫu là bà mẹ có con từ 6 tháng đến dưới 24 tháng tuổi, số trẻ được thụ hưởng là 343 trẻ; đạt 100% so với kế hoạch;

- Đối tượng được cán bộ y tế tư vấn về dinh dưỡng, kỹ thuật chăm sóc trẻ cho bà mẹ có con từ 6 tháng đến dưới 24 tháng tuổi, số bà mẹ được thụ hưởng là 380 bà; đạt 100% so với kế hoạch;

2. Nội dung 2: Triển khai thông tin, truyền thông, tư vấn, nói chuyện chuyên đề, hướng dẫn về dinh dưỡng, chăm sóc dinh dưỡng hợp lý; phòng chống suy dinh dưỡng và thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai, bà mẹ nuôi con nhỏ dưới 5 tuổi...(chăm sóc dinh dưỡng hợp lý)

- Triển khai tại 19 xã, thị trấn;

- Số người tham gia người 422/380, đạt 111,1% so với kế hoạch đề ra.

3. Nội dung 3: Cung cấp sản phẩm dinh dưỡng và trang thiết bị

- Cung cấp 93 cân chiều cao có thước đo chiều cao; 24 cái cân có máng 20 kg và 07 cây thước đo chiều cao trẻ em tại các thôn trên địa bàn huyện Ba Tơ;

- Cấp bổ sung vi chất dinh dưỡng cho trẻ em suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng từ 6 đến 59 tháng là 106/120 trẻ, với số lượng là 12.720 gói; đạt tỷ lệ 88,33% so với kế hoạch (vì số trẻ đã sử dụng sản phẩm bên Chương trình vùng Ba Tơ).

- Cấp bổ sung vi chất dinh dưỡng cho trẻ em suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng từ 5 đến dưới 16 tuổi là 414/400 trẻ, với số lượng là 49.680 gói; đạt tỷ lệ 103,5% so với kế hoạch.

- Cấp bổ sung vi chất sắt cho trẻ em gái vị thành niên từ 12 đến dưới 16 tuổi có kinh nguyệt là 820 trẻ, với số lượng là 24.600 viên;

4. Nội dung 4: Nâng cao năng lực cho cán bộ y tế tuyến cơ sở, nhân viên y tế thôn bản về cải thiện chăm sóc dinh dưỡng của bà mẹ và trẻ em

4. Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

4.1. Tiểu dự án 1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

a) Về kết quả giải ngân

- Tổng nguồn vốn: 835 triệu đồng (Trong đó: Năm 2022: 1 triệu đồng; năm 2023: 30 triệu đồng; năm 2024: 804 triệu đồng).
- Kết quả giải ngân: 89 triệu đồng (Trong đó: Năm 2022: 0 triệu đồng; năm 2023: 30 triệu đồng; năm 2024: 59 triệu đồng).
- Tỷ lệ giải ngân: 10,69% (Trong đó: Năm 2022: 0%; Năm 2023: 100%; năm 2024: 7,39%).

b) Về nội dung thực hiện

- Thực hiện công tác tuyên truyền tuyển sinh và khảo sát nhu cầu học nghề.
- Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác tuyên truyền (cán bộ xã và thôn).

4.2. Tiểu dự án 2. Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (không phân bổ vốn)

4.3. Tiểu dự án 3. Hỗ trợ việc làm bền vững

a) Về kết quả giải ngân

- Tổng nguồn vốn: 1.128 triệu đồng (Trong đó: Năm 2022: 98 triệu đồng; Năm 2023: 241 triệu đồng; năm 2024: 789 triệu đồng).
- Kết quả giải ngân: 458 triệu đồng (Trong đó: Năm 2022: 98 triệu đồng; năm 2023: 241 triệu đồng; năm 2024: 119 triệu đồng).
- Tỷ lệ giải ngân: 40,58% (Trong đó: Năm 2022: 99,49%; năm 2023: 99,98%; năm 2024: 15,11%).

b) Về nội dung thực hiện

- Thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động: 02 cuộc.
- Thực hiện thông tin tuyên truyền trực quan bằng Pano tại 15 xã, thị trấn.
- Tư vấn, giới thiệu việc làm tại 19 xã, thị trấn.

5. Dự án 5. Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo (Không phân bổ vốn).

6. Dự án 6. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

6.1. Tiểu dự án 1. Giảm nghèo về thông tin

a) Về kết quả giải ngân

- Triển khai 02 lớp tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ y tế tuyến cơ sở, nhân viên y tế thôn bản về cải thiện chăm sóc dinh dưỡng của bà mẹ và trẻ em, có 90/93 người tham gia, đạt 96,8%, trong đó (85 người là y tế thôn bản làm CTV dinh dưỡng và 08 người làm CTV dân số của TT Ba Tơ).

- Tổng nguồn vốn: 4.522 triệu đồng (Trong đó: Năm 2022: 1.318 triệu đồng; năm 2023: 1.731 triệu đồng; năm 2024: 1.473 triệu đồng).

- Kết quả giải ngân: 678 triệu đồng (Trong đó: Năm 2022: 33 triệu đồng; năm 2023: 447 triệu đồng; năm 2024: 198 triệu đồng).

- Tỷ lệ giải ngân: 15% (Trong đó: Năm 2022: 2,49%; năm 2023: 25,82%; năm 2024: 13,47%).

b) Về nội dung thực hiện

- Đã triển khai thực hiện xuất bản sổ tay “Hướng dẫn tuyên truyền các mô hình thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025”.

- Xây dựng mới hệ thống truyền thanh hiện đại (thông minh) tại 05 xã: Ba Ngạc, Ba Trang, Ba Nam, Ba Vinh, Ba Tô.

6.2. Tiểu dự án 2. Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

a) Về kết quả giải ngân

- Tổng nguồn vốn: 170 triệu đồng (Trong đó: Năm 2022: 39 triệu đồng; năm 2023: 0 triệu đồng; năm 2024: 131 triệu đồng).

- Kết quả giải ngân: 83 triệu đồng (Trong đó: Năm 2022: 37 triệu đồng; năm 2023: 0 triệu đồng; năm 2024: 46 triệu đồng).

- Tỷ lệ giải ngân: 49,01% (Trong đó: Năm 2022: 94,87%; năm 2023: 0%; năm 2024: 35,36%).

b) Về nội dung thực hiện

- Tổ chức xây dựng và thực hiện các sản phẩm truyền thông về giảm nghèo: đã thực hiện lắp đặt pa nô tại 06 xã, thị trấn.

- Đã tổ chức Hội nghị đối thoại, tiếp xúc trực tiếp với người dân thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tại xã Ba Vinh.

7. Dự án 7. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

7.1. Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình

a) Về kết quả giải ngân

- Tổng nguồn vốn: 232 triệu đồng (Trong đó: Năm 2022: 0 triệu đồng; năm 2023: 0 triệu đồng; năm 2024: 232 triệu đồng).

- Kết quả giải ngân: 196 triệu đồng (Trong đó: Năm 2022: 0 triệu đồng; năm 2023: 0 triệu đồng; năm 2024: 196 triệu đồng).

- Tỷ lệ giải ngân: 84,66% (Trong đó: Năm 2022: 0%; năm 2023: 0%; năm 2024: 84,66%).

b) Về nội dung thực hiện

- Thực hiện trao đổi, học tập kinh nghiệm về thực hiện Chương trình tại 3 huyện của các tỉnh Tây Nguyên.

- Tổ chức tập huấn về quản lý, thực hiện Chương trình nói chung và quản lý, thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất nói riêng.

7.2. Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá

a) Về kết quả giải ngân

- Tổng nguồn vốn: 646 triệu đồng (Trong đó: Năm 2022: 78 triệu đồng; năm 2023: 150 triệu đồng; năm 2024: 418 triệu đồng).

- Kết quả giải ngân: 460 triệu đồng (Trong đó: Năm 2022: 78 triệu đồng; năm 2023: 150 triệu đồng; năm 2024: 232 triệu đồng).

- Tỷ lệ giải ngân: 71,17% (Trong đó: Năm 2022: 100%; năm 2023: 99,91%; năm 2024: 55,45%).

b) Về nội dung thực hiện

- Thực hiện 19 cuộc kiểm tra, giám sát chương trình MTQG giảm nghèo bền vững tại các xã, thị trấn.

- Thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo 3 lần (trong 3 năm 2022, 2023 và 2024) đảm bảo đúng quy định, trong đó mỗi năm đều tổ chức tập huấn và tổ chức Đoàn đến các xã, thị trấn để thực hiện kiểm tra, giám sát.

III. Kết quả thực hiện các mục tiêu của Chương trình

Hệ thống văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình MTQGGBNV đến nay đã cơ bản được ban hành đầy đủ, hoàn thiện. Sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, nhất là Ủy ban nhân dân và các cơ quan chức năng các cấp đã nỗ lực, quyết liệt triển khai thực hiện Chương trình. Đối với người dân trong huyện đã có ý thức chủ động nỗ lực vươn lên thoát nghèo, thoát cận nghèo, hạn chế tính ỷ lại vào nhà nước, có ý thức và chủ động hơn trong tổ chức các hoạt động sản xuất, chăn nuôi, trồng trọt, tạo sinh kế, tạo thu nhập cho gia đình phù hợp với điều kiện của địa phương. Qua đây sẽ thay đổi tập quán canh tác; nâng cao ý thức cộng đồng, tương thân, tương ái, ý thức tự vươn lên; đời sống Nhân dân được cải thiện, giảm tỷ lệ hộ nghèo, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân; quốc phòng, an ninh vùng dân tộc thiểu số được củng cố, bảo đảm ổn định.

Trong những năm qua, nhờ sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận và các hội đoàn thể, công tác giảm nghèo trên địa bàn huyện có bước tiến triển đáng khích lệ. Việc triển khai đồng bộ các chính sách, dự án thuộc khung Chương trình mục tiêu quốc gia, sự nỗ lực vươn lên của các tầng lớp cộng đồng dân cư đặc biệt là đối với người nghèo góp phần làm giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân hàng năm trên địa bàn huyện đạt được chỉ tiêu đề ra. Cụ thể, đến cuối năm 2024, giảm hộ nghèo toàn huyện xuống còn: 2.815 hộ, chiếm 15,95% (giảm 1.325 hộ so với đầu năm 2024), tỷ lệ giảm 7,60%, vượt chỉ tiêu huyện và tỉnh giao; số hộ cận nghèo giảm còn 1.543 hộ, chiếm 8,74% (giảm 514 hộ so với đầu năm 2024), tỷ lệ giảm 2,96%, gần đạt chỉ tiêu huyện giao, vượt chỉ tiêu tỉnh giao.

Tháng 3 năm 2022, huyện Ba Tơ đã thoát huyện nghèo khó khăn giai đoạn 2021 - 2025 tại Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính

phủ về phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 - 2025.

Tuy nhiên, bên cạnh những mục tiêu, chỉ tiêu và kết quả đạt được thì vẫn còn những tồn tại hạn chế như: người dân ít đăng ký tham gia đào tạo nghề để tiếp cận và ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nhằm mang lại hiệu quả cao; tỷ lệ lao động đăng ký đi làm việc ở nước ngoài chưa đạt so với chỉ tiêu tỉnh giao; vẫn còn một bộ phận người dân vẫn còn tâm lý ỷ lại, trông chờ vào sự hỗ trợ của nhà nước, chưa có ý thức và hỗ trợ người khác vươn lên thoát nghèo bền vững.

IV. Kết quả thực hiện các chính sách giảm nghèo chung:

1. Bảo hiểm: Đến nay thực hiện cấp 61.176 thẻ BHYT còn giá trị sử dụng, đạt 99,64% kế hoạch BHXH tỉnh giao năm 2024; đạt 98,2% theo Kế hoạch số 91/KH-UBND của UBND huyện; Việc cấp thẻ BHYT luôn đảm bảo, kịp thời, đúng đối tượng được Nhà nước hỗ trợ Bao gồm: NCC, người nghèo, DTTS, cận nghèo, người sống ở vùng có điều kiện kinh tế ĐBKK, người DTTS sống ở vùng KT-XH khó khăn, hộ nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình, trẻ em dưới 6 tuổi ... Tính đến ngày 31/5/2024, có 2.582 người tham gia BHXH bắt buộc, đạt 97,8% kế hoạch BHXH tỉnh giao, đạt 93,72% theo Kế hoạch số 91/KH-UBND của UBND huyện; 1.061 người tham gia BHXH tự nguyện, đạt 52,16% kế hoạch BHXH tỉnh và UBND huyện giao; 1.822 người tham gia bảo hiểm thất nghiệp, đạt 96,81% kế hoạch BHXH tỉnh giao.

2. Y tế: Tập trung chỉ đạo thực hiện công tác khám, chữa bệnh cho nhân dân. Tình hình dịch bệnh trên địa bàn ổn định. Công tác vệ sinh an toàn thực phẩm được đảm bảo; Công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản, cải thiện dinh dưỡng trẻ em, tiêm chủng mở rộng, các chương trình mục tiêu về y tế được triển khai thực hiện tốt. Tổ chức vận động hiến máu tình nguyện vượt kế hoạch tỉnh giao. Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ dưới 5 tuổi là 23,2% (*thể cân nặng*), số giường bệnh/vận dân là 19,88 giường, số bác sĩ/ vận dân là 6,7 bác sĩ, 100% chất thải y tế được thu gom, xử lý. Có 14 trạm y tế xã được công nhận trạm y tế đạt chuẩn quốc gia, đang làm hồ sơ đề nghị 5 xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế.

3. Giáo dục: Hoàn thành năm học 2023 - 2024. Thực hiện đổi mới phương pháp dạy học theo hướng hiện đại, tích cực, vận dụng các mô hình trường học mới vào việc dạy học, tổ chức thực hiện dạy học đúng theo lộ trình thực hiện Chương trình GDPT 2018, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý và dạy học. Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý. Tham gia, tổ chức các kỳ thi đạt nhiều kết quả. Chỉ đạo việc duy trì sĩ số học sinh, đảm bảo giữ chuẩn phổ cập giáo dục. Chỉ đạo công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia năm 2024. Tiếp tục đầu tư về cơ sở vật chất cho các trường học và mua sắm thiết bị dạy học.

4. Hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội: Năm 2021 đã chi cho 11.696 lượt hộ với tổng số tiền 1.911.030.000 đồng. Trong đó: Hộ nghèo 10.647 lượt hộ, số tiền 1.756.755.000 đồng. Hộ chính sách xã hội: 1.052 lượt hộ, số tiền 154.275.000 đồng; Năm 2022 đã chi cho 24.660 lượt hộ với tổng số tiền 4.052.620.000 đồng. Trong đó: Hộ nghèo 23.882 lượt hộ, số tiền 3.940.530.000

đồng. Hộ chính sách xã hội: 778 lượt hộ, số tiền 112.090.000 đồng; Năm 2023 đã thực hiện chi cho 21.153 lượt hộ với tổng số tiền 3.559.840.000 đồng. Trong đó: Hộ nghèo 20.252 lượt hộ, số tiền 3.459.655.000 đồng. Hộ chính sách xã hội: 628 lượt hộ, số tiền 100.175.000 đồng; Năm 2024 đã chi cho 16.944 lượt hộ với tổng số tiền 3.011,7 triệu đồng. Trong đó: Hộ nghèo: 16.456 lượt hộ, số tiền: 2.937,4 triệu đồng, hộ chính sách xã hội: 488 lượt hộ, số tiền: 74,3 triệu đồng.

5. Bảo trợ xã hội: chính sách trợ giúp xã hội đã hỗ trợ kịp thời cho nhóm đối tượng yếu thế trong xã hội: người cao tuổi; người cao tuổi nghèo neo đơn không nơi nương tựa; trẻ em mồ côi cả cha lẫn mẹ; người khuyết tật; người nhiễm HIV... Thực hiện chi trợ cấp khoảng 32 tỷ đồng, bình quân hàng tháng 1.440 người được thụ hưởng, hằng năm chi khoảng 6.5 tỷ đồng. Thực hiện việc chúc thọ, mừng thọ cho 151 người cao tuổi với tổng số tiền 108.670 ngàn đồng. Thực hiện cấp gạo hỗ trợ cứu đói cho nhân dân bị thiệt hại do bão và mưa lũ gây ra trên địa bàn huyện: 2.032 hộ/6.094 khẩu, tổng số gạo: 91.410 kg; người dân bị ảnh hưởng dịch Covid -19 cho 332 hộ/958 khẩu với tổng số gạo: 14.370 kg; gạo “đỏ lửa” trong Tết Nguyên đán trên địa bàn huyện: 5.984 hộ/13.197 khẩu, tổng số gạo: 258.185 kg.

6. Tín dụng ưu đãi: Phối hợp với Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện thực hiện các chương trình cho vay nhằm giải quyết việc làm, hỗ trợ khó khăn cho người dân, góp phần giảm nghèo bền vững, cụ thể như sau:

Dư nợ cho vay đến nay là 452.150 triệu đồng/15 chương trình tín dụng ưu đãi, với 7.870 khách hàng còn dư nợ. Trong giai đoạn 2021-2024 cho vay hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên địa bàn huyện đạt kết quả như sau:

*** Cho vay hộ nghèo:**

Doanh số cho vay 104.747 triệu đồng, với 2.122 lượt hộ vay vốn, nâng tổng dư nợ đến nay là: 116.591 triệu đồng/2.227 khách hàng.

*** Cho vay hộ cận nghèo:**

Doanh số cho vay 47.560 triệu đồng, với 912 lượt hộ vay vốn, nâng tổng dư nợ đến nay là: 52.516 triệu đồng/985 khách hàng.

*** Cho vay hộ mới thoát nghèo:**

Doanh số cho vay 13.505 triệu đồng, với 245 lượt hộ vay vốn, nâng tổng dư nợ đến nay là: 17.306 triệu đồng/344 khách hàng.

Trong giai đoạn 2021 - 2024 hoạt động cho vay hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng chính sách khác đã mang lại hiệu quả kinh tế và hiệu quả chính trị xã hội như sau:

- **Về hiệu quả kinh tế:** Đã có hơn 3.279 lượt hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo vay vốn để phát triển chăn nuôi trâu, bò và trồng keo, bằng nguồn vốn tín dụng ưu đãi đã làm ăn có hiệu quả, có tích lũy và đã có cuộc sống tốt hơn trước: làm được nhà xây, mua sắm được các phương tiện như xe máy, nuôi con ăn học v.v...

- **Về hiệu quả chính trị - xã hội:** Chương trình tín dụng ưu đãi phù hợp với

điều kiện thực tế tại địa phương, được nhân dân hưởng ứng và đồng tình ủng hộ, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước thực hiện có kết quả giảm nghèo tại địa phương; đã góp phần thu hẹp khoảng cách giàu nghèo trên địa bàn, ổn định xã hội, kinh tế địa phương ngày càng phát triển.

- **Về hiệu quả tín dụng:** Nhìn chung hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng chính sách khác vay vốn đều sử dụng vốn vay đúng mục đích, có hiệu quả, trả nợ gốc lãi đúng thời hạn cho ngân hàng, tỷ lệ thu lãi đạt trên 99%.

V. Khó khăn, vướng mắc

- Các xã, thị trấn còn lúng túng, thụ động trong quản lý và thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Dự án 2, dẫn đến các dự án thành phần giao cho các xã, thị trấn đến nay còn một số dự án chưa triển khai được.

- Người dân (*đặc biệt là người nghèo, cận nghèo*) chưa mạnh dạn thay đổi tập tục canh tác, chăn nuôi, chưa ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

- Qua công tác tuyên truyền và rà soát, người dân (*đặc biệt là người nghèo và cận nghèo*) không có nhu cầu đi học nghề ngắn hạn vì mức hỗ trợ trong thời gian đi học nghề thấp.

VI. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Nguồn vốn ngân sách Trung ương bố trí cho địa phương theo các dự án thành phần phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình đã được thiết kế. Năm 2022, 2023, 2024 đã cơ bản đến thời điểm báo cáo các cơ quan, đơn vị, địa phương được giao vốn đã chủ động xây dựng kế hoạch, lập dự toán để triển khai thực hiện các nội dung của các dự án và tiểu dự án thuộc chương trình.

- Khi Chương trình được triển khai trên địa bàn huyện đã nhận được sự hưởng ứng, đồng tình cao của nhân dân trong huyện, là cơ hội để cải thiện và nâng lên đáng kể đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, đặc biệt là trong công tác giảm nghèo trên địa bàn huyện. Qua thực hiện Chương trình trong thời gian đến chắc chắn sẽ có nhiều chuyển biến tích cực và mạnh mẽ, các hộ nghèo đều được tiếp cận và thụ hưởng các chính sách giảm nghèo của Nhà nước, nhất là có cơ hội nhiều hơn để tiếp cận các dịch vụ sản xuất, tăng thu nhập và dịch vụ xã hội cơ bản; đặc biệt rong đó sẽ hỗ trợ người đồng bào dân tộc thiểu số phát triển sản xuất, thay đổi tập quán canh tác; nâng cao ý thức cộng đồng, tương thân, tương ái, ý thức tự vươn lên; đời sống Nhân dân được cải thiện, giảm tỷ lệ hộ nghèo, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân; quốc phòng, an ninh vùng dân tộc thiểu số được củng cố, bảo đảm ổn định.

2. Tồn tại

- Một bộ phận người dân còn có tâm lý ỷ lại, trông chờ vào sự hỗ trợ của nhà nước, chưa có ý thức và hỗ trợ người khác vươn lên thoát nghèo bền vững.

- Đối với công tác đào tạo nghề: hầu hết người dân không đăng ký tham gia đào tạo nghề, nguyên nhân: mặc dù huyện đã có văn bản, tuyên truyền qua đài truyền thanh, làm việc trực tiếp với các xã, tổ chức hội nghị tuyên truyền, hướng nghiệp...

nhưng do nhận thức của người lao động trên địa bàn huyện còn nhiều hạn chế, chưa nhận thức đầy đủ được vai trò của việc học nghề để nâng cao kiến thức, tạo việc làm nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống; số lượng lớn người lao động của huyện đi làm ăn xa tại các tỉnh Tây nguyên và các tỉnh lân cận nhằm tạo việc làm, thu nhập và đáp ứng cuộc sống hiện tại cho gia đình; thời gian đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng là dài nhưng định mức hỗ trợ tiền ăn đối với người lao động là: 30.000 đồng/người/ngày thực học là rất thấp so với giá công trong thực tế hiện nay, nên tư tưởng người dân không mặn nồng trong việc tham gia công tác đào tạo nghề;

- Công tác tuyên truyền, vận động ở cơ sở nhìn chung vẫn còn nhiều hạn chế, chưa đi sâu, sát người dân.

Phần thứ hai: ĐỀ XUẤT CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2026-2030

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

Đến cuối năm 2030 giảm 80% số hộ nghèo, hộ cận nghèo có khả năng lao động. Theo đó, đề ra các chỉ tiêu theo các chỉ số thiếu hụt: Việc làm, tiếp cận thông tin, nước sạch, nhà tiêu hợp vệ sinh, nhà ở...;

II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP, CƠ CHẾ, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN

- Có các dự án riêng từ Trung ương đến địa phương trong thực hiện tạo việc làm tại chỗ; tạo việc làm thông qua các doanh nghiệp, khu công nghiệp; tạo việc làm thông qua đi làm việc ở nước ngoài cho đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị (*ưu tiên*), theo nhiệm vụ, theo cộng đồng đề xuất (*với nội dung hỗ trợ cụ thể cho từng đối tượng tham gia trong dự án: Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ khác*).

- Tuyên truyền bằng nhiều hình thức như: Pa nô, áp phích, tờ rơi, báo chí, đài phát thanh, đài truyền hình, đối thoại, sân khấu hóa, hội nghị, họp lồng ghép 13 tại thôn, trực tiếp đến hộ gia đình (*quan tâm đến mức hỗ trợ cho người trực tiếp tuyên truyền, các cuộc họp tại thôn*)....

- Đầu tư các công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ dân sinh cấp xã.

- Hỗ trợ tập huấn, học tập kinh nghiệm; kiểm tra, giám sát, báo cáo.

- Cơ chế quản lý thực hiện

+ Việc ban hành chuẩn nghèo giai đoạn mới theo hướng "các chỉ số thiếu hụt của hộ nghèo, hộ cận nghèo phải đi đôi với các chính sách giảm nghèo tác động được để giải quyết các chỉ số thiếu hụt". Đề nghị tách đối tượng hộ nghèo, cận nghèo không có khả năng lao động, thuộc đối tượng bảo trợ xã hội ra khỏi Chương trình.

+ Ban hành các chính sách, dự án cần bám sát vào các chỉ số thiếu hụt của hộ nghèo, hộ cận nghèo và đặc điểm phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương về cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ dân sinh. Đề nghị nghiên cứu có cơ chế chung để thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia hiện nay, tránh trùng lặp về nội dung của 03 Chương trình.

+ Theo dõi, giám sát, đánh giá các chương trình: xây dựng cơ sở dữ liệu (*phần mềm*) báo cáo trực tuyến đến cấp xã, đơn vị trực tiếp thực hiện Chương trình. Đồng thời, thiết kế ít biểu mẫu, ít trường dữ liệu (*hạn chế những trường số liệu không liên quan đến chính sách của chương trình*) báo cáo.

Trên đây là báo cáo tình hình và kết quả triển khai, thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 và đề xuất giai đoạn 2026 – 2030. Ủy ban nhân dân huyện Ba Tơ kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- CT, PCT UBND huyện;
- UBMTTQVN huyện;
- Các tổ chức CT - XH huyện;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện;
- VP HĐND&UBND huyện;
- Lưu: VT, PNN&MT (Quân)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Giang Nam